



VỀ NHỮNG BÀ MẸ THIÊNG LIÊNG MANG TÍNH KHỞI NGUYÊN CỦA NGƯỜI VIỆT

VÕ THỊ HOÀNG LAN*

TÓM TẮT

Từ vai trò quan trọng của phụ nữ gắn với cuộc sống thường nhật ở thời nguyên thủy, theo dòng trôi chảy của tư duy dân dã mà các nữ thần mang tư cách tối thượng được nảy sinh. Bà mẹ thiêng liêng này, theo bước phát triển, khai phá đất đai của người Việt mà thêm chức năng và chuyển hóa - Bà Mẹ Xứ sở Âu Cơ - Bà Man Nương - Đặc biệt, khi khai phá vùng châu thổ thấp thì đó cũng là điều kiện cơ bản để tục thờ Mẫu Tứ phủ ra đời và phát triển.

Từ khóa: Mẹ thiêng liêng; Mẫu Thượng Ngàn, Mẹ Xứ sở; Mẹ Đất; Mẹ Nước, Mẫu Tứ phủ.

ABSTRACT

From the important role of women associated with everyday life in primitive times, and following folk-thinking, it is the reason to create mother goddess. These spiritual mothers, according to developments of Vietnam, add more functions and transitions to become the land mother of Au Co - Man Nuong. Especially when exploiting lower delta, it is also the basic condition for the worship of Four Palaces.

Key words: Holly Mother; Forest Mother, Country Mother; Land Mother; Water Mother, Four Palaces Mothers.

Trong nhiều nghiên cứu về tín ngưỡng thờ Mẫu Tứ phủ của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ, các nhà khoa học thường đồng thuận khi cho rằng, tín ngưỡng này ra đời trên nền tảng của tục thờ nữ thần. Như vậy, Mẫu trước hết là nữ thần, nhưng theo chúng tôi, đây là những nữ thần đặc biệt, bởi người Việt đã thờ phụng rất nhiều nữ thần, nhưng điện thần Tứ phủ chỉ có 4 vị Thánh Mẫu tối cao, tức là không phải nữ thần nào cũng có thể trở thành Mẹ/Thánh Mẫu. Tuy nhiên, danh xưng Thánh Mẫu có lẽ chỉ xuất hiện khá muộn, khi mà người Việt có thể đã chịu ảnh hưởng của văn hóa Hán và điện thần Tứ phủ đã được định hình tương đối có hệ thống như hiện nay, với đầy đủ 4 vị Thánh Mẫu đứng đầu, sáng tạo 4 miền của vũ trụ. Còn trước đó, ở buổi đầu của tín ngưỡng này, có thể người Việt chỉ thờ phụng nữ thần Mẹ - một/các nữ thần vì những lý do đặc biệt nào đó đã trở thành Bà Mẹ thiêng liêng mang tính khởi nguyên, gắn với tiến trình phát triển địa vực của tộc người này ở những không gian cụ thể.

Vậy sự chuyển hóa - hay phát triển - từ nữ thần đến các Bà Mẹ thiêng liêng mang tính khởi

nguyên, và sau đó là Thánh Mẫu Tứ phủ, diễn biến thế nào trong tư duy dân gian Việt? Đây là vấn đề/nội dung mà chúng tôi sẽ bước đầu tìm hiểu trong bài viết này.

1. Từ vai trò của người phụ nữ Việt trong xã hội đến tục thờ nữ thần

Theo cách hiểu đơn giản nhất của dân gian Việt, Mẫu tức là Mẹ - người phụ nữ đã sinh ra một hay nhiều người nào đấy. Nhưng Thánh Mẫu trong điện thần Tứ phủ không phải sinh ra những người con cụ thể, mà Ngài/các Ngài đã "sinh ra" hay đúng hơn là sáng tạo ra 4 miền của vũ trụ (Trời - Rừng núi - Đất - Nước). Ở đây, cũng cần có một sự phân biệt rõ ràng giữa các Thánh Mẫu trong tục thờ Mẫu Tứ phủ (mang chức năng của tạo hóa, là sản phẩm của tư duy thần thoại sáng thế), với các vị là "Mẹ" thế gian của các vị thần cụ thể (như mẹ của thánh Gióng, mẹ của thánh Linh Lang...), cũng được thờ phụng bằng danh xưng Mẫu. Việc quy công lao sáng tạo thế giới cho Mẫu/Mẹ chính là sự nhấn mạnh vào thiên chức sinh sản - nuôi dưỡng - chở che/bao bọc của người phụ nữ, và cũng xuất phát từ thực tế lịch sử - xã hội của người Việt mà những thiên chức ấy đã được coi trọng đến mức thần thánh hóa.

* Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam



Cũng như nhiều tộc người lấy nông nghiệp làm nguồn sống chính, ngay từ thời tiền sử, người phụ nữ Việt đã có một địa vị khá cao trong xã hội/gia đình, bởi trước hết, kiếm sống thường nhật qua hái lượm trong rừng là công việc thường trực của phụ nữ. Vào thời kỳ nông nghiệp thì: “Nông nghiệp, nguồn chủ yếu của mọi sự sinh sôi, cũng là một khám phá của phụ nữ. Trong khi đàn ông đi săn, phụ nữ ở nhà trồng trọt và thu hoạch”¹. Phụ nữ khám phá ra nông nghiệp, họ cũng trực tiếp gieo trồng, chăm bón... để từ một hạt mầm thành cây lúa có số lượng hạt lúa gấp nhiều lần hạt giống ban đầu. Sự sinh sôi, nảy nở của cây trồng như vậy cũng mang những nét gần gũi với người phụ nữ khi họ thực hiện thiên chức của mình (sinh đẻ, duy trì nòi giống); và, sự sinh sôi, nảy nở của cây trồng cũng phải do (sự lao động của) người phụ nữ mang lại. Đồng thời, đặc điểm hôn nhân/gia đình ở chế độ mẫu hệ/mẫu quyền cho thấy, trong thời đại này, con cái phần lớn chỉ biết có mẹ và vai trò của mẹ đối với cuộc sống của mình (mẹ vừa sinh thành, mẹ vừa nuôi dưỡng); còn vai trò của người cha vẫn chưa thực sự được khẳng định, bởi hình bóng của đàn ông trong gia đình vẫn còn tương đối mờ nhạt. Có thể từ thực tế này mà tư duy liên tưởng của người xưa đã mở rộng vai trò của người phụ nữ lên mức thiêng liêng: không chỉ sinh ra con người, mà còn sáng tạo ra muôn loài, muôn vật trong vũ trụ. Các nữ thần từ thuở hồng hoang của người Việt đã thể hiện rất rõ những vai trò này (bà Nữ Oa xây núi, 12 bà mẹ nặn ra giống người, Mụ Giạ có công mở mang bờ cõi, và còn rất nhiều nữ thần khác có công khai hoang lập ấp, dạy dân các nghề săn bắt, trồng trọt...). Sau đó, kể cả khi người Việt đã đạt đến một trình độ tổ chức xã hội cao hơn thì cũng do cơ cấu kinh tế tiểu nông ruộng nước quy định mà người phụ nữ Việt có một vị trí tương đối bình đẳng so với nam giới², nên trong xã hội, họ vẫn nhận được một sự tôn trọng nhất định - có thể coi như là sự tiếp nối phần nào tinh thần “trọng nữ” từ chế độ mẫu hệ trong quá khứ - thêm vào đó, là thực tế người phụ nữ Việt cũng tham gia rất mạnh vào mọi sinh hoạt tín ngưỡng dân dã. Đây có lẽ là những tiền đề cho sự sùng bái phụ nữ, rồi hiện tượng thờ nữ thần ra đời, để từ đó mà xuất hiện tục thờ Mẫu.

Nhìn vào công trạng/quyền năng của những nữ thần Việt, có thể thấy sự hiện diện của người phụ nữ trong mọi mặt đời sống xã hội, và vai trò quan trọng ấy đã được dân gian thừa nhận một cách rõ

ràng thông qua sự tôn thờ. Mặc dù vậy, không phải tất cả các nữ thần này đều được tôn thờ trong tư cách Mẫu/Mẹ, mà chỉ có một số nữ thần vì những lý do đặc biệt nào đó mới chuyển hóa/trở thành Bà Mẹ thiêng liêng, hay có thể coi đó chính là Thánh Mẫu nguyên thủy. Nhưng hệ thống thần thoại của người Việt đến nay không còn nguyên vẹn, bóng dáng các vị thần sáng thế chỉ còn “mờ ảo” trong các thần tích đã được các Nho gia văn bản hóa dưới thời quân chủ chuyên chế, nên nguồn tài liệu này cũng không giúp ích nhiều cho chúng ta trong việc làm sáng tỏ một số vấn đề về lịch sử của tín ngưỡng thờ Mẫu, buổi sơ khởi, bao gồm cả lý do để một số nữ thần chuyển hóa/trở thành Bà Mẹ thiêng liêng - Bà Mẹ Thế gian đứng đầu bách thần. Tuy nhiên, thực tiễn ra đời và tồn tại của tục thờ Mẫu Tứ phủ cho thấy tục thờ này đã phát triển cùng với lịch sử khai phá, tạo dựng bờ cõi của tộc người Việt ở châu thổ Bắc Bộ. Các vị Thánh Mẫu với những đền, phủ... thờ các Ngài cũng xuất hiện theo “bước chân” các lớp cư dân Việt, từ thượng nguồn sông Hồng xuống đến vùng hạ lưu châu thổ, và còn tiếp tục đi xa hơn nữa về phía Nam. Do vậy, để giải quyết được những vấn đề thuộc về lịch sử của tục thờ Mẫu, cần thiết phải đặt nó trong bối cảnh của tiến trình khai phá, làm chủ châu thổ sông Hồng của người Việt.

2. Các Bà Mẹ thiêng liêng mang tính khởi nguyên

Có thể nói, lịch sử phát triển của tộc người Việt cũng chính là lịch sử của quá trình khai phá châu thổ sông Hồng - địa bàn sinh tụ chính của tộc người này - với nền kinh tế nông nghiệp lúa nước. Họ đã từng bước làm chủ châu thổ theo hướng từ Tây sang Đông (từ núi, chân núi ra biển) và từ Bắc xuống Nam (từ thượng qua trung xuống đến hạ châu thổ), nhìn vào quá trình này thấy nổi lên những thời kỳ/điểm mang tính “đánh dấu” như sau:

- Thời kỳ ở thượng nguồn sông Hồng.
- Thời kỳ xuống đến vùng trung du.
- Thời kỳ ở vùng giáp ranh giữa châu thổ cao và châu thổ thấp.
- Thời kỳ xuống đến hạ châu thổ.

Và, gắn/tương ứng với những dấu mốc này là sự “xuất hiện” những nữ thần Mẹ có quyền năng thỏa mãn được nhu cầu tâm linh của tộc người Việt ở những không gian cụ thể/xác định đó.

2.1. Thời kỳ ở thượng nguồn sông Hồng

Thời kỳ này, không gian sinh tồn của người Việt - thực ra là tộc người “tổ tiên” của người Việt (?) - ở

vùng rừng núi, với nền kinh tế khai thác tự nhiên. Nguồn lương thực để nuôi sống con người được hái lượm và săn bắt từ rừng, nên rừng mang bản tính giống với người mẹ (nuôi dưỡng). Từ thực tế này mà Bà Mẹ Rừng - Bà Mẹ khởi nguyên đầu tiên của người Việt xuất hiện, phản ánh nhận thức về không gian cư trú cũng như nhu cầu tâm linh của cộng đồng cư dân vẫn đang sống dựa vào những sản vật của rừng xanh.

Nhưng “dung mạo” của Bà Mẹ Rừng đã lùi vào ký ức xa xăm của dân tộc trong những mảnh vụn thần thoại, người ta chỉ còn thoáng thấy bóng dáng của bà ở một số vị thần khác, mà rõ nét nhất là ở bà Chúa Thượng Ngàn. Theo dòng chảy của tư duy dân gian, bà là con gái của Tản Viên và Mỵ Nương, tên là La Bình, được phong làm “Thượng Ngàn công chúa, cai quản tất cả 81 cửa rừng cõi Nam Giao”³. Nhưng sự “cai quản” của bà diễn ra theo quy luật của tự nhiên (bày vẽ cho các loài muông thú, chim chóc cách sinh sống, leo trèo, múa hát, phạt những loài ác thú gây hại cho các sinh vật, thưởng cho những giống vật có công...⁴), khiến cho nó gần với sự lập lại trật tự trong vũ trụ, như nhắc về một thời hỗn mang trong quá khứ. Có thuyết lại cho rằng, La Bình chính là Mẫu Thượng Ngàn và đền Đông Cuông (Yên Bái) là nơi thờ Ngài từ thời tương đối sớm... Tuy nhiên, dù là bà chúa Thượng Ngàn hay Mẫu Thượng Ngàn, thì có thể tin rằng, đó đều là “hậu thân” của Bà Mẹ Rừng khởi nguyên.

2.2. Thời kỳ xuống đến vùng trung du cao

Đây là dải đất cao ven châu thổ sông Hồng, là nơi tiếp giáp giữa miền núi non và châu thổ, đồng thời, theo truyền thuyết, không gian này cũng chính là địa vực của vương quốc Văn Lang - quốc gia/nhà nước đầu tiên của người Việt. Còn theo những cứ liệu khảo cổ, sinh thái học nông nghiệp..., các nhà khoa học đã cho rằng, nghề trồng lúa nước ở Việt Nam ra đời ở miền thung lũng và bốn địa giữa núi, cách ngày nay khoảng 5.000 - 6.000 năm. Như vậy, cương vực của nước Văn Lang trong truyền thuyết cũng nằm trong khu vực mà nghề trồng lúa nước ra đời. Kết hợp giữa kết quả khoa học và huyền thoại, có thể phỏng đoán rằng, sau khi men theo sông Hồng xuống đến vùng trung du, người Việt đã “dừng chân” tại đây với nền nông nghiệp lúa nước. Do “nông nghiệp đã tác động lên lối sống của con người một ảnh hưởng mạnh nhất (bằng cách gắn chặt con người với đất đai)”⁵ mà họ buộc phải



Một tượng trong hệ Tứ pháp (gỗ, TK. XVII - chùa Thái Lạc, Văn Lâm, Hưng Yên) - Ảnh: Trần Lâm

định cư trong một địa vực/lãnh thổ nhất định. Lúc này, trình độ tổ chức xã hội của người Việt đã phát triển hơn ở thời kỳ trước - nhưng đã đến mức để xuất hiện nhà nước hay chưa thì vẫn là vấn đề còn nhiều tồn nghi - việc khẳng định chủ quyền (bằng cả những biểu tượng/hành động vật chất và biểu tượng tinh thần) của cộng đồng ở không gian cư trú trở nên cần thiết. Đồng thời, khi nền kinh tế nông nghiệp đã định hình, con người cũng ý thức được vai trò quan trọng của đất đai trong nền kinh tế ấy... Vì vậy, ý thức bảo vệ đất đai không chỉ được thể hiện bằng những hành động cụ thể, mà còn thể hiện ở nhu cầu tâm linh về một lực lượng có khả năng che chở, bảo vệ cho không gian cư trú của một cộng đồng, đã là tiền đề để Bà Mẹ Xứ sở xuất hiện. Chúng tôi cho rằng, trong bối cảnh địa - văn hóa vùng trung du cao, người Việt đã thờ phụng những đối tượng như đất, lúa... trong hình dạng những nữ thần, nhưng Bà Mẹ có quyền năng bao trùm nhất, thiêng liêng nhất, chính là Âu Cơ - Bà Mẹ xứ sở đầu tiên của tộc người/dân tộc.



Nông nghiệp lúa nước cổ truyền của người Việt là một nghề rất nặng nhọc, vất vả, nhất là khi mọi thao tác hoàn toàn thủ công, chỉ dựa vào sức người như trước đây, nên phải đổ rất nhiều công sức và mồ hôi trên đồng ruộng trong điều kiện “mưa thuận gió hòa”, người nông dân mới có được thóc lúa đầy bồ. Thêm nữa, địa hình trung du không phải hoàn toàn thuận lợi cho việc canh tác ruộng nước, vì vậy mà ở thời kỳ này, nhu cầu về nguồn nhân lực lao động chắc chắn là phải lớn hơn thời hái lượm rất nhiều. Do vậy mà Bà Mẹ Xứ sở, cụ thể là Mẹ Âu Cơ, không chỉ có vai trò bảo vệ địa vực cư trú, đất đai trồng cấy, mà còn “sinh ra” con người để đáp ứng nhu cầu về lực lượng lao động. Như vậy, huyền thoại “bọc trăm trứng”, ngoài rất nhiều ý nghĩa khác như lâu nay chúng ta đã biết, có lẽ còn thể hiện ước vọng của cư dân thời kỳ này về sự gia tăng nguồn nhân lực. Và, Mẹ Âu Cơ đã “xuất hiện” ở vùng trung du với “bọc trăm trứng nở ra trăm người con”, có thể tạm coi là hoàn toàn phù hợp với ước vọng tâm linh về Bà Mẹ thiêng liêng của cộng đồng cư dân Văn Lang. Tuy truyền thuyết “Âu Cơ - Lạc Long Quân” còn lưu lại đến ngày nay đã có sự tham gia của các nhà Nho trong quá trình văn bản hóa, nhưng chúng tôi cho rằng, sự tham gia ấy cũng phải dựa trên những sáng tạo của dân gian. Do vậy, chúng ta vẫn có thể “lọc” được từ đó những ý nghĩa mang tính khởi nguyên của dân gian, để từ đó có thể hiểu thêm và đúng hơn về vai trò cũng như quyền năng của Bà Mẹ Xứ sở đầu tiên của người Việt.

Nơi ghi dấu ấn sớm nhất của Mẹ Âu Cơ chính là đền thờ Bà ở Hiền Lương (Phú Thọ). Ở khu vực này, công đức của bà không chỉ dừng lại ở chỗ “sinh ra một bọc có 100 trứng, nở ra 100 người con trai”⁶, mà còn là người dạy dân đào giếng lấy nước ăn, trồng cấy (trồng lúa nước, trồng dâu, nuôi tằm...) và những nghề thủ công khác nữa (kéo sợi, dệt lụa, giã gạo làm bánh...), “rồi lại ngược sông Thao lên phía Bắc mở mang bờ cõi”⁷. Như vậy, nếu như hình ảnh Bà Mẹ Rừng còn mang bóng dáng của Bà Mẹ Tự nhiên/gắn gũi với tự nhiên, thì Mẹ Âu Cơ tuy vẫn duy trì tính tự nhiên (sinh sản), nhưng đã có thêm tính văn hóa (sáng tạo và truyền nghề), có lẽ đã phản ánh đúng trình độ phát triển kinh tế của tộc người Việt ở địa bàn trung du cao.

2.3. Thời kỳ ở vùng giáp ranh giữa châu thổ cao và châu thổ thấp

Trên con đường mở mang bờ cõi ra phía biển, trước khi xuống được châu thổ thấp, người Việt đã

gặp “bạc thêm” tiếp nối giữa vùng đồi núi và vùng đất lầy trũng, tức là vùng đất thuộc Bắc Ninh, Phúc Yên ngày nay. Hành trang mà người Việt mang đến nơi này là nền nông nghiệp lúa nước đã định hình với tập quán sử dụng nước tại chỗ/nước mưa (đồng mùa thì dùng trực tiếp nước mưa trong mùa mưa, còn đồng chiêm thì dùng lượng nước tự/động lại sau mùa mưa). Nhưng nước mưa thì không phải lúc nào cũng được trời “đổ” xuống theo đúng nhu cầu của từng thời điểm trong một vụ gieo trồng của người nông dân - vì nhu cầu về nước của cây lúa luôn thay đổi theo từng giai đoạn khác nhau trong suốt quá trình sinh trưởng của nó - nên, có thể nói một cách cụ thể: cầu mưa - cầu trời mưa và “mưa nắng phải thì” - là một thực tế trong đời sống tâm linh của người Việt ở khu vực này - khu vực của những làng đồng mùa. Xuất phát từ nhu cầu ấy, Phật Mẫu Man Nương chính là cứu cánh về mặt tinh thần cho cư dân ở vùng đất giáp ranh giữa châu thổ cao và châu thổ thấp.

Theo truyền thuyết, Man Nương là một thiếu nữ quê ở Luy Lâu/Dâu (Thuận Thành, Bắc Ninh ngày nay), có mang một cách thần kỳ với nhà sư Ấn Độ Khâu Đà La/Giàlađồlê khi ông đến truyền đạo ở thành Luy Lâu và sinh ra Tứ Pháp (gồm Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện - những nữ thần/hiện tượng thiên nhiên tạo thành cơn mưa)⁸. Nếu dựa vào những yếu tố dân gian bản địa vẫn còn hiện diện trong truyền thuyết này có thể thấy rằng, nguyên thủy, Man Nương là Mẹ Nước (bởi bản thân Ngài cũng có khả năng giúp dân chống hạn, và mối liên hệ “máu thịt” giữa Ngài với Tứ Pháp, mà trong đó Pháp Vân lại chính là bà Dâu trước khi được Phật giáo hóa, có thể là cả Bàlamôn giáo hóa. Bà Dâu là một nữ thần nông nghiệp của người Việt cổ, có khả năng làm mưa và có thể cả làm tanh⁹). Đồng thời, Man Nương còn mang bóng dáng Bà Mẹ Xứ sở của người Việt ở địa vực này, việc Ngài “kết hôn” với người đàn ông ngoại tộc là một nhà sư Ấn Độ và nhà sư này lại biết những phép thuật mang yếu tố phù thủy gắn với việc làm mưa¹⁰, đã cho thấy vai trò quan trọng của nước (mưa) từ đời sống lao động sản xuất đã “hằn sâu” vào tâm thức của cả cộng đồng, trở thành nhu cầu tâm linh hàng đầu của cư dân vùng Dâu xưa. Như vậy, Man Nương xuất hiện và cho ra đời Tứ Pháp, chính là sự khẳng định về tập quán sử dụng nước mưa trong canh tác nông nghiệp với cây trồng chủ đạo là cây lúa nước, của người Việt; và cũng đánh dấu giai đoạn mà tộc



người này làm chủ được kỹ thuật trồng lúa nước ở vùng giáp ranh giữa châu thổ cao và châu thổ thấp.

2.4. Thời kỳ ở châu thổ thấp

Khi đã xuống đến châu thổ thấp, có thể người Việt đã hoàn thành quá trình khai phá vùng đất này, với nền nông nghiệp sử dụng nước tại chỗ/nước mưa. Tuy nhiên, trong kinh tế nông nghiệp, năng suất và sản phẩm lao động không phải chỉ phụ thuộc vào công sức của con người, mà còn phụ thuộc vào cả những lực lượng tự nhiên (như đất đai, mưa nắng...). Quy luật này đã được cư dân châu thổ sông Hồng nắm bắt khá sớm, họ đã “lý giải” nó trên cơ sở thế giới quan của mình, là đằng sau sự nỗ lực của con người, còn có một thế lực siêu nhiên/siêu hình nào đó chi phối đến những kết quả lao động, đến cuộc sống của họ. Bên cạnh đó, lao động của người nông dân Việt ở châu thổ sông Hồng - cho đến tận năm 1945 - gần như vẫn hoàn toàn là lao động thủ công, không có sự trợ giúp của máy móc và tri thức khoa học tiên tiến. Nên cho dù kỹ thuật canh tác nông nghiệp của họ ở khu vực này đã được hoàn thiện đến mức rất cao, thì vẫn không tránh khỏi có lúc mùa màng bị thất bát. Từ đó mà tâm lý lo sợ, bất an trước những diễn biến khó lường của thời tiết, trước những mối họa từ tự nhiên (dịch bệnh, sâu bọ phá hoại cây trồng) - mà theo quan niệm của cư dân châu thổ thì đây chính là những biểu hiện về sự “tác động” của “thế lực siêu hình” đến cuộc sống của con người - vẫn luôn thường trực ở họ. Để giải tỏa tâm lý này, họ phải “cầu viện” - bằng sự sùng bái, thờ phụng-mong có sự “bảo trợ” của chính những thế lực ấy đã được cụ thể hóa/nhân hóa trong hình ảnh các vị thần linh liên quan. Nhưng đến giai đoạn này, người Việt đã đạt đến một trình độ tổ chức xã hội rõ rệt, với một sự phát triển trong thế giới quan về tự nhiên và xã hội, đồng thời đã có sự giao lưu, ảnh hưởng văn hóa với các tộc người khác... Vậy nên thần linh của họ sẽ không đơn giản chỉ là “lực lượng siêu nhiên”, kết quả của quan niệm “vạn vật hữu linh” như thời kỳ nguyên thủy; mà đã “phát triển” để tương ứng với trình độ phát triển xã hội của họ: có tính chất tôn giáo/tín ngưỡng một cách rõ rệt. Trong bối cảnh này, đời sống tâm linh của người Việt đã xuất hiện 4 vị Thánh Mẫu - lực lượng quyền năng tối cao đứng đầu sáng tạo 4 miền của vũ trụ (Trời - Rừng - Đất - Nước) - có đủ khả năng bảo trợ cho mọi mặt cuộc sống của cư

dân nông nghiệp, theo triết lý/mong muốn “thiên thời, địa lợi, nhân hòa”.

Như vậy, có thể cho rằng, những Bà Mẹ thiêng liêng mang tính khởi nguyên đã xuất hiện theo nhu cầu tâm linh của người Việt ở từng không gian cụ thể, đánh dấu những thời điểm lịch sử trong quá trình làm chủ châu thổ sông Hồng với nền nông nghiệp lúa nước, của tộc người này. Khi người Việt đặt chân đến mỗi không gian mới, trước những yêu cầu mới đặt ra từ thực tiễn, những nữ thần “cũ” phải có thêm những quyền năng tương ứng để có thể đáp ứng được nhu cầu tâm linh mới xuất hiện. Phải chăng vì vậy, mà vào những thời điểm quyết định, một số nữ thần đã phải “tăng quyền” để trở thành Bà Mẹ thiêng liêng mang tính khởi nguyên, thì mới đủ khả năng “bảo trợ”/hỗ trợ cho cộng đồng trong một môi cảnh mới mẻ và có nhiều thách thức. Và, đến giai đoạn sau, việc “hội tụ”/nhập các Bà Mẹ thiêng liêng vào biểu tượng Thánh Mẫu Tứ phủ đã không diễn ra theo kiểu cộng vào một cách cơ học, mà tư duy dân gian đã khái quát hóa những đặc điểm/quyền năng tiêu biểu của các Ngài để trở thành Thánh Mẫu - đáng tối thượng thần của một tín ngưỡng mang đậm bản sắc văn hóa của cư dân châu thổ sông Hồng./

V.T.H.L

Chú thích:

- 1- Luc Benoist (2006), *Dấu hiệu, biểu trưng và thần thoại*, Nxb. Thế giới, tr. 106 - 107.
 - 2- Nguyễn Từ Chi (1996), “Nhận xét bước đầu về gia đình của người Việt” trong *Góp phần nghiên cứu văn hóa và tộc người*, Nxb. Văn hóa Thông tin - Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, H.
 - 3- Đỗ Thị Hào, Mai Thị Ngọc Chúc (1984), *Các nữ thần Việt Nam*, Nxb. Phụ nữ, tr. 38.
 - 4- Đỗ Thị Hào, Mai Thị Ngọc Chúc (1984), *sđđ*, tr. 38.
 - 5- Ủy ban quốc tế về lịch sử phát triển văn hóa và khoa học nhân loại (2001), *Lịch sử văn minh nhân loại*, Nxb. Văn hóa Thông tin, tr. 351.
 - 6- Vũ Thanh Sơn (2001), *Các vị thánh thần sông Hồng*, Nxb. Văn hóa dân tộc, tr. 92.
 - 7- Vũ Thanh Sơn (2001), *sđđ*, tr. 93.
 - 8- Nguyễn Văn Huyền (2003), “Chống hạn trong tập quán Việt Nam” trong *Tác phẩm được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, H.
 - 9- Võ Thị Hoàng Lan (2012), “Về tục thờ Tứ pháp của người Việt”, *Tạp chí Di sản văn hóa*, số 2 (39) - 2012.
 - 10- Nguyễn Văn Huyền (2003), *sđđ*, các tr. 592, 608 - 609.
- (Ngày nhận bài: 21/11/2016; ngày phản biện đánh giá: 27/12/2016; ngày duyệt đăng bài: 06/01/2017).